TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 10- 2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Minh
Bà Lương Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 719/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999
Địa chỉ: Ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1998
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh L.
(Chị T có mặt, anh T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 7 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh T có tìm hiểu nhau thời gian 06 tháng, sau đó chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cuộc sống không phù hợp nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2019.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Trần Minh T. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Trần Minh Ti: Anh đồng ý ly hôn với chị T và đồng thời xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Trần Minh T là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Anh Trần Minh T là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Anh Trần Minh T xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung:

3.1. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Minh T có tìm hiểu nhau thời gian 06 tháng, sau chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa chị T vẫn nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, đối với anh T có lời trình bày đồng ý ly hôn với chị T nhưng do chị T và anh T chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị T và anh T đã vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không được xem là hôn nhân hợp pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh T là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Chị T cho rằng quá trình chị và anh T chung sống với nhau có một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2019, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến phản hồi gì về con chung giữa anh và chị T nên không đối chất được về con chung. Mặt khác, theo giấy khai sinh của cháu Nguyễn Minh H không thể hiện có tên cha nên không xác định được cháu Minh H có phải là con chung của chị T và anh T hay không nhưng chị T có trình bày vì chị và anh T chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu H không có tên cha. Do đó, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, anh T

không có ý kiến phản hồi về việc xin nuôi con chung của chị T. Đồng thời, chị T cho rằng từ khi chị và anh T ly thân cho đến nay, cháu Minh H do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên cần giao cháu Minh H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu sau này, chị T và anh T có tranh chấp về việc nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Minh về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Trần Minh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh H sinh ngày 27 tháng 01 năm 2019 (Chị T đang nuôi), anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết chị T và anh T có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003087 ngày

10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Chị T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Đỗ Bình An